TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1383/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố T, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/04/2008.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 481/2024/HNST ngày 8 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Võ Minh B, sinh năm 1979

Địa chỉ: H Đường số C, khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số C, Đường số A, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/4/2024.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A thuận tình ly hôn

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 21/9/2012 và Võ Minh H, sinh ngày 13/5/2009.

Bà Nguyễn Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên tên Võ Minh T, sinh ngày 21/9/2012 và Võ Minh H, sinh ngày 13/5/2009, việc cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Hoàng A tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng, do ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025461 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp đủ lệ phí.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/4/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 21/9/2012 và Võ Minh H, sinh ngày 13/5/2009.

Bà Nguyễn Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 21/9/2012 và Võ Minh H, sinh ngày 13/5/2009, việc cấp dưỡng nuôi con bà Hoàng A tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng, do ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025461 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Võ Minh B và bà Nguyễn Thị Hoàng A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt